

BIỂU SỐ 01 - PHÂN BỐ, ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN NSDP 5 NĂM 2021-2025

(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư dự án	Quyết định chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn NSDP 5 năm 2021-2025									
				Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Vốn đã giao, dự kiến giao			Phân bổ kế hoạch vốn	Điều chỉnh tăng, giảm (-) kế hoạch vốn	Kế hoạch vốn sau phân bổ, điều chỉnh			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, vốn NSDP	Tổng số	Trong đó				Tổng số	Bao gồm các nguồn vốn		
								Đã giao	Dự kiến giao				Vốn XDCB tập trung	Vốn thu sử dụng đất	Vốn tăng thu ngân sách ⁽¹⁾
TỔNG SỐ					2,101,097.9	2,101,097.9	2,102,678.4	2,949.4	2,099,729.0	2,064,210.0		2,102,678.4	66,069.9	2,033,659.1	2,949.4
I	Phân bổ cho dự án				2,101,097.9	2,101,097.9	2,102,678.4	2,949.4	2,099,729.0	2,064,210.0	-1,581.4	2,101,097.0	66,069.9	2,032,618.1	2,409.0
1	Cầu vượt sông Kinh Môn và đường dẫn nối nút giao lập thể với Quốc lộ 5	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	25/NQ-HĐND; 02/6/2023		600,000.0	600,000.0	600,000.0		600,000.0	600,000.0		600,000.0	61,181.9	538,818.1	
2	Xây dựng đường dẫn cầu Cây mới và đường 33m kéo dài (qua địa phận huyện Cẩm Giàng) nối đường Vũ Công Đán, thành phố Hải Dương	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	26/NQ-HĐND; 02/6/2023		469,478.0	469,478.0	435,000.0		435,000.0	435,000.0	34,478.0	469,478.0		469,478.0	
3	Đầu tư xây dựng cầu Tân An và đường dẫn nối Quốc lộ 18, thành phố Chí Linh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	24/NQ-HĐND; 02/6/2023		600,000.0	600,000.0	600,000.0		600,000.0	600,000.0		600,000.0		600,000.0	
4	Xử lý sự cố đê điều trên địa bàn huyện Nam Sách và huyện Thanh Hà	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	27/NQ-HĐND; 02/6/2023		45,000.0	45,000.0	45,000.0		45,000.0	45,000.0		45,000.0		45,000.0	
5	Xây dựng Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Hải Dương (địa điểm mới)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	25/NQ-HĐND; 02/6/2023		379,322.0	379,322.0	414,841.0		414,841.0	379,322.0	-35,519.0	379,322.0		379,322.0	
6	Nâng cấp hệ thống máy móc, trang thiết bị công nghệ thông tin hiện đại hóa ngành thuế	Cục Thuế tỉnh	32/NQ-HĐND; 29/9/2022	2035; 30/6/2023	2,409.9	2,409.9	2,949.4	2,949.4			-540.4	2,409.0			2,409.0
7	Xây mới Trạm kiểm lâm Côn Sơn - Hạt kiểm lâm thành phố Chí Linh, thuộc Chi cục Kiểm lâm Hải Dương ⁽²⁾	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh			4,888.0	4,888.0	4,888.0		4,888.0	4,888.0		4,888.0	4,888.0		
II	Phân bổ chi tiết sau										1,581.4	1,581.4	1,041.0	540.4	

Ghi chú:

⁽¹⁾- Vốn chi đầu tư phát triển năm 2022 chuyển nguồn sang năm 2023 phân bổ cho dự án (nguồn tăng thu thường xuyên ngân sách tỉnh năm 2021 chuyển nguồn sang năm 2022 bổ sung cho chi đầu tư phát triển).

⁽²⁾- Trình phân bổ vốn đồng thời với trình phê duyệt chủ trương đầu tư dự án (theo Tờ trình số 79/TTr-UBND ngày 07/7/2023 của UBND tỉnh)

BIỂU SỐ 02 - PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN NSDP NĂM 2023
(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Dan h mục chương trình, dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn NSDP 5 năm 2021-2025	Vốn kế hoạch năm 2023 đã giao	Bổ sung và phân bổ kế hoạch vốn năm 2023	Kế hoạch vốn năm 2023 sau phân bổ và bổ sung																					
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng số	Vốn kế hoạch năm 2023				Nguồn năm 2022 chuyển nguồn sang năm 2023 bổ sung cho chi đầu tư đầu tư phát triển															Nguồn thực hiện cải tạo, nâng cấp công trình thủy lợi đã giao dự toán năm 2023 bổ sung cho chi đầu tư phát triển ⁽⁴⁾	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)					Trong đó, vốn NSDP	Vốn XD CB tập trung	Vốn thu sử dụng đất	Vốn thu XS KT	Nguồn bồi chi NSDP	Kế hoạch vốn theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 20/3/2023 của HĐND tỉnh				Vốn năm 2022 chuyển nguồn sang năm 2023 bổ sung cho chi đầu tư phát triển											
													Vốn thu sử dụng đất ⁽¹⁾	Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh ⁽²⁾				Nguồn tăng thu sử dụng đất	Nguồn tăng thu XS KT	Nguồn doanh nghiệp hoàn trả vốn vay lại ODA	Nguồn tăng thu phí bảo vệ môi trường	Nguồn tăng thu thường xuyên	Nguồn thu tiền bảo vệ đất trồng lúa		Tiết kiệm chi thường xuyên			
7=5+6	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24						25					
TỔNG SỐ			2,291.764.7	1,783.930.0	154.909.0	693.964.513	379.975.000	1,073.939.513	71.594.800	74.853.147	30.000.000	233.000.000	180.029.406	56.657.218	45.994.942	20.235.000	5.000.000	223.114.000	8.608.000	36.466.000	3.545.000	5.000.000	3.741.000	36.825.000	21.721.000	17.555.000		
I	Vốn trong nước		357.889.9	357.889.9	154.909.0	484.364.513	356.575.000	840.939.513	71.594.800	74.853.147	30.000.000	233.000.000	180.029.406	56.657.218	45.994.942	20.235.000	5.000.000	223.114.000	8.608.000	36.466.000	3.545.000	5.000.000	3.741.000	36.825.000	21.721.000	17.555.000		
I.1	Phân bổ cho dự án		357.889.9	357.889.9	154.909.0	56.909.000	56.909.000	52.000.000					180.029.406	2.409.000			2.500.000											
1	Nâng cấp hệ thống máy móc, trang thiết bị công nghệ thông tin hiện đại hóa ngành thuế	2035; 30/6/2023	2,409.9	2,409.9	2,409.0		2,409.000	2,409.000						2,409.000														
2	Cải tạo, sửa chữa Khu nhà B Trường chính trị tỉnh Hải Dương	1080; 05/6/2023	2,500.0	2,500.0	2,500.0		2,500.000	2,500.000									2,500.000											
3	Cải tạo, nâng cấp công trình để điều đê địa phương tỉnh Hải Dương giai đoạn 2021-2025	1336; 08/7/2023	150,000.0	150,000.0	150,000.0		50,000.000	50,000.000	50,000.000																			
4	Xây dựng cầu Cây và đường dẫn hai đầu cầu, tỉnh Hải Dương	1320; 04/7/2023	202,980.0	202,980.0			2,000.000	2,000.000	2,000.000																			
I.2	Phân bổ chi tiết sau					484.364.513	299.666.000	784.030.513	19.594.800	74.853.147	30.000.000	233.000.000	180.029.406	54.248.218	45.994.942	20.235.000	2.500.000	223.114.000	8.608.000	36.466.000	3.545.000	5.000.000	3.741.000	36.825.000	21.721.000	17.555.000		
1	Kế hoạch vốn đã giao					484,364.513	-56,909.000	427,455.513	19,594.800	74,853.147	30,000.000		180,029.406	54,248.218	45,994.942	20,235.000	2,500.000											
2	Kế hoạch vốn bổ sung						356,575.000	356,575.000										223,114.000	8,608.000	36,466.000	3,545.000	5,000.000	3,741.000	36,825.000	21,721.000	17,555.000		
II	Vốn nước ngoài (bồi chi NSDP)		1,933,874.8	1,426,040.1		209,600.000	23,400.000	233,000.000				233,000.000																
1	Sửa chữa nâng cao an toàn đập	2395; 18/8/2020; 3629; 30/12/2022	159,290.4	50,505.6			3,200.000	3,200.000																				
2	Phát triển tổng hợp các đô thị động lực thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	967; 22/3/2019	1,774,584.4	1,375,534.5		209,600.000	20,200.000	229,800.000																				

Ghi chú:
⁽¹⁾- Nguồn bổ sung tiết kiệm chi ngân sách tỉnh năm 2022.
⁽²⁾- Nguồn năm 2021 bổ sung cho chi đầu tư phát triển.
⁽³⁾- Kinh phí thu hồi theo Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.
⁽⁴⁾- Thực hiện theo Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

BIỂU SỐ 03 - ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN NSDP NGUỒN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN, CẤP XÃ NĂM 2022 KÉO DÀI THỜI GIẠN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư (lần đầu và các lần điều chỉnh nếu có)		Kế hoạch vốn năm 2022			Kế hoạch vốn năm 2022 còn lại chưa giải ngân đến hết ngày 31/01/2023			Kế hoạch vốn năm 2022 đã được quyết định kéo dài sang năm 2023 (Theo Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 20/3/2023 của HĐND tỉnh)			Đề nghị điều chỉnh nguồn vốn và kéo dài thời gian thực hiện, giải ngân kế hoạch vốn năm 2022 sang năm 2023				Ghi chú	
			Số Quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Bao gồm		Tổng số	Bao gồm		Vốn ngân sách cấp huyện		Vốn ngân sách cấp xã	Vốn ngân sách cấp xã					
						Kế hoạch vốn năm 2022 (giao đầu năm)	Kế hoạch vốn năm 2022 giao bổ sung ⁽¹⁾		Tổng số	Kế hoạch vốn năm 2022 (giao đầu năm)	Kế hoạch vốn năm 2022 giao bổ sung ⁽¹⁾	Vốn ngân sách cấp huyện		Tổng số	Bao gồm				
															Kế hoạch vốn năm 2022 (nguồn thu sử dụng đất)	Kế hoạch vốn năm 2022 giao bổ sung ⁽¹⁾	Kế hoạch vốn năm 2022 (nguồn thu sử dụng đất)		Kế hoạch vốn năm 2022 giao bổ sung ⁽¹⁾
A	B	1	2	3	4=5+6	5	6	7=8+9	8	9	10=11+12	11	12	13	14	15=16+17	16	17	18
	TỔNG SỐ			26,111.5	7,354.120	567.320	6,786.800	3,413.480	14.226	3,399.254	3,329.100	14.220	3,314.880	84.320		2,913.480	14.226	2,899.254	
I	Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành, đưa vào sử dụng trong năm 2022 nhưng không được bố trí vốn kế hoạch năm 2023			581.1	567.320	567.320		14.226	14.226		14.220	14.220				14.226	14.226		
1	Di chuyển đường điện để giải phóng mặt bằng thi công tuyến đường xã Văn Giang (cũ) qua cầu bà Kế đi Văn Hội kết nối với đường 396 (đoạn từ ngã tư thôn 1 đến UBND xã Văn Hội)	2022	284; 21/11/2022	581.1	567.320	567.320		14.226	14.226		14.220	14.220				14.226	14.226		
II	Dự án được bổ sung kế hoạch đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách nhà nước, dự phòng ngân sách nhà nước năm 2022 nhưng chưa được cấp có thẩm quyền cho phép giải ngân vào năm 2023			25,530.3	6,786.800		6,786.800	3,399.254		3,399.254	3,314.880		3,314.880	84.320		2,899.254		2,899.254	
1	Trạm y tế xã Vinh Hòa, Hạng mục san lấp cát	2022-2023	2635a; 21/11/2022	250.0	250.000		250.000	14.880		14.880	14.880		14.880			14.880		14.880	
2	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng Trường Mầm non Ứng Hòe	2017	2001, 03/11/2016; 16, 15/02/2017	4,834.6	300.000		300.000	300.000		300.000	300.000		300.000			300.000		300.000	
3	Cải tạo, nâng cấp đường huyện, đoạn từ UBND xã Ứng Hòe đến đầu làng Đồng Vạn (Giai đoạn 1)	2022-2023	145a; 15/12/2022	9,343.2	2,500.000		2,500.000	2,500.000		2,500.000	2,500.000		2,500.000			2,500.000		2,500.000	
4	Nhà đa năng THCS xã Đồng Tâm	2021-2022	62; 28/10/2019	4,428.0	2,847.900		2,847.900	64.274		64.274				64.200		64.274		64.274	

STT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư (lần đầu và các lần điều chỉnh nếu có)		Kế hoạch vốn năm 2022		Kế hoạch vốn năm 2022 còn lại chưa giải ngân đến hết ngày 31/01/2023			Kế hoạch vốn năm 2022 đã được quyết định kéo dài sang năm 2023 (Theo Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 20/3/2023 của HĐND tỉnh)			Đề nghị điều chỉnh nguồn vốn và kéo dài thời gian thực hiện, giải ngân kế hoạch vốn năm 2022 sang năm 2023					Ghi chú	
			Số Quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Bao gồm		Tổng số	Bao gồm		Tổng số	Bao gồm		Vốn ngân sách cấp xã	Vốn ngân sách cấp huyện	Tổng số	Bao gồm		
						Kế hoạch vốn năm 2022 (giao đầu năm)	Kế hoạch vốn năm 2022 giao bổ sung ⁽¹⁾		Kế hoạch vốn năm 2022 (giao đầu năm)	Kế hoạch vốn năm 2022 giao bổ sung ⁽¹⁾		Kế hoạch vốn năm 2022 (nguồn thu sử dụng đất)	Kế hoạch vốn năm 2022 giao bổ sung ⁽¹⁾				Kế hoạch vốn năm 2022 (nguồn thu sử dụng đất)		Kế hoạch vốn năm 2022 giao bổ sung ⁽¹⁾
A	B	1	2	3	4=5+6	5	6	7=8+9	8	9	10=11+12	11	12	13	14	15=16+17	16	17	18
5	Nghĩa trang nhân dân thôn Giâm Me xã Đồng Tâm. Hạng mục: Đường giao thông nội bộ, San nền, Cổng trường rào	2020	61a; 25/10/2019	2,195.7	190.200	190.200	10.774	10.774						10.800		10.774		10.774	
6	Xây dựng, nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ xã Văn Hội	2021-2022	774; 23/11/2021	7,712.7	198.700	198.700	9.326	9.326						9.320		9.326		9.326	
7	Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ xã Tân Phong	2022-2023	234; 21/9/2022	4,478.9	500.000	500.000	500.000	500.000	500.000	500.000		500.000							Đã thanh toán, giải ngân hết kế hoạch vốn trong năm 2022

Ghi chú: ⁽¹⁾ - Từ các nguồn tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách nhà nước, dự phòng ngân sách nhà nước và các nguồn vốn NSNN không thuộc vốn đầu tư công bổ sung cho chi đầu tư phát triển.